Phụ lục 02: DANH MỤC GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 75 /BC-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Tây Giang)

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Mã số dự án	Mã loại - khoản	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn năm 2025											Kế hoạch vốn các năm trước kéo dài sang năm 2025 (nếu có)													
					Tổng mức đầu tư						Trong đó												Trong đó											
						Trong đó						Ngân sách tỉnh						Ngân sách huyện						Ngân sách tỉnh						Ngân sách huyện				
													Trong đó						Trong đó						Trong đó						Trong đó			
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Khác	Tổng số	Ngân sách trung ương	Tổng số	Ngân sách tập trung	Thu sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tiết kiệm chi	Tổng số	Ngân sách tập trung (phân cấp)	Nguồn tăng thu ngân sách huyện	Thu sử dụng đất	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách huyện	Tổng số	Ngân sách trung ương	Tổng số	Ngân sách tập trung	Thu sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tiết kiệm chi	Tổng số	Ngân sách tập trung (phân cấp)	Nguồn tăng thu ngân sách huyện	Thu sử dụng đất	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách huyện
	TỔNG SỐ				**21.729,64**	**2.855,32**	**16.295,00**	**2.554,60**	**24,72**	**4.337,85**	**-**	**2.379,56**	**91,00**	**980,56**	**-**	**1.308,00**	**1.958,29**	**1.448,79**	**509,50**	**-**	**-**	**-**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	**Ngân sách huyện đối ứng thực hiện Nghị quyết 38/NQ-HĐND tỉnh**				**3.660,91**	**-**	**1.920,00**	**1.716,19**	**24,72**	**200,00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**200,00**	**200,00**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Bê tông hóa trục đường xã năm 2022; tuyến đường: ĐX2.Dang (Từ cầu treo xã Dang-thôn Z'lao); lý trình: Km3+00-Km5+00	8000545	292	2197,14/12/22	3.660,91	-	1.920,00	1.716,19	24,72	200,00	-	-	-	-		-	200,00	200,00	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	**Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Nghị quyết 23/NQ-HĐND tỉnh**				**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**980,56**	**-**	**980,56**	**-**	**980,56**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025 tại xã Anông, huyện Tây Giang	8089376	285							189,07	-	189,07	-	189,07		-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025 tại xã Atiêng, huyện Tây Giang	8089118	285							328,60	-	328,60	-	328,60		-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025 tại xã Lăng, huyện Tây Giang	8087937	285							462,90	-	462,90	-	462,90		-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Mã số dự án	Mã loại - khoản	Quyết định đầu tư						Kế hoạch vốn năm 2025												Kế hoạch vốn các năm trước kéo dài sang năm 2025 (nếu có)												
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó											Tổng số	Trong đó									
					Tổng số	Trong đó					Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Ngân sách huyện						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Ngân sách huyện				
						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Khác			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó						Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
													Ngân sách tập trung	Thu sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tiết kiệm chi		Ngân sách tập trung (phân cấp)	Nguồn tăng thu ngân sách huyện	Thu sử dụng đất	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách huyện							Ngân sách tập trung (phân cấp)	Nguồn tăng thu ngân sách huyện	Thu sử dụng đất	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách huyện
III	**Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Nghị quyết 48/NQ-HĐND tỉnh**				**12.150,00**	**-**	**12.150,00**	**-**	**-**	**1.308,00**	**-**	**1.308,00**	**-**	**-**	**-**	**1.308,00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Cầu bê tông cốt thép trên tuyến ĐH3 (đoạn giữa thôn Acấp và Z'rượt)	8070302	292	2503, 29/12/23	12.150,00	-	12.150,00	-	-	1.308,00	-	1.308,00	-	-		1.308,00	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	**Ngân sách tỉnh hỗ trợ 1 tỷ cây xanh**				**1.225,00**	**-**	**1.225,00**	**-**	**-**	**91,00**	**-**	**91,00**	**91,00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Dự án trồng cây phân tán và trồng rừng tập trung Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Tây Giang	7972801	282	2238, 26/8/22	1.225,00	-	1.225,00	-	-	91,00	-	91,00	91,00	-		-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V	**Ngân sách huyện đối ứng sửa chữa các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt**				**1.095,54**	**-**	**1.000,00**	**95,54**	**-**	**109,00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**109,00**	**109,00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Sửa chữa các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt bị hư hỏng trên địa bàn xã Dang; hạng mục: sửa chữa nước sinh hoạt thôn Adâu, thôn Tư	7962650	311	974, 07/7/22	1.095,54	-	1.000,00	95,54	-	109,00	-	-	-	-		-	109,00	109,00	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Mã số dự án	Mã loại - khoản	Quyết định đầu tư						Kế hoạch vốn năm 2025												Kế hoạch vốn các năm trước kéo dài sang năm 2025 (nếu có)												
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó											Tổng số	Trong đó									
					Tổng số	Trong đó					Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Ngân sách huyện						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Ngân sách huyện			
						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Khác			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
													Ngân sách tập trung	Thu sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tiết kiệm chi		Ngân sách tập trung (phân cấp)	Nguồn tăng thu ngân sách huyện	Thu sử dụng đất	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách huyện			Tổng số	Ngân sách tập trung	Thu sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tiết kiệm chi		Ngân sách tập trung (phân cấp)	Nguồn tăng thu ngân sách huyện	Thu sử dụng đất	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách huyện
VI	**Nguồn vốn ngân sách huyện**				**742,88**	**-**	**-**	**742,88**	**-**	**289,79**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**289,79**	**289,79**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng và công trình phụ trợ Công viên thống nhất	8054001	302	1641, 24/10/23	742,88	-	-	742,88	-	289,79	-	-	-	-		-	289,79	289,79	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VII	**Ngân sách huyện đối ứng Chương trình phòng chống thiên tai**				**2.855,32**	**2.855,32**	**-**	**-**	**-**	**1.359,50**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.359,50**	**850,00**	**509,50**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Khắc phục sạt lở cống qua đường vào khu sản xuất suối Nal	8048305	292	1461, 19/9/23	2.855,32	2.855,32	-	-	-	1.359,50	-	-	-	-		-	1.359,50	850,00	509,50		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-